

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26 – 5 – 2025

V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Mỹ Hương

Bà Trương Ánh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Diễm Quỳnh, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị A**, sinh năm: 1986. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp E, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh **Thái Văn Ch**, sinh năm: 1987. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Khóm D, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Lê Thị A trình bày và xác định yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Thái Văn Ch chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau vào ngày 17/02/2014 (Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2014). Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn kéo dài không khắc phục được nên chị và anh Ch đã không còn chung sống với nhau từ cách đây khoảng 02 năm. Chị không còn tình cảm với anh Ch. Mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị xin ly hôn anh Thái Văn Ch.

- Về con chung: Chị và anh Thái Văn Ch có 02 người con chung là Thái Mỹ K, sinh ngày 17/03/2015 và Thái Minh Kh, sinh ngày 05/6/2016. Các con đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị A xác định không có tài sản chung.
- Về nợ chung: Chị A xác định chị và anh Ch không có nợ chung.

Đối với anh Thái Văn Ch: Tòa án đã thông báo cho anh Ch về việc thụ lý vụ án, thông báo cho anh Ch đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; nhiều lần triệu tập anh Ch đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh Ch vẫn vắng mặt, cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị A và anh Thái Văn Ch có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nay chị A xin ly hôn. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Anh Ch cư trú tại thành phố C nên Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết. Anh Ch đã được triệu tập họp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án đến lần thứ hai mà anh Ch vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Ch theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Lê Thị A và anh Thái Văn Ch chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của chị A và anh Ch được pháp luật công nhận. Chị A xác định thời gian chị và anh Ch chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không hòa giải, hàn gắn được, chị và anh Ch đã ly thân, chị cũng không còn tình cảm với anh Ch nên chị xin ly hôn. Đối với anh Thái Văn Ch: Anh Ch đã được thông báo đến Tòa án để tham gia hòa giải, được triệu tập đến Tòa án tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhiều lần nhưng anh Ch vẫn vắng mặt; anh Ch cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị A. Điều đó thể hiện anh Ch không có ý thức hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị A. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của chị A và anh Ch xảy ra nhưng không ai có giải pháp hiệu quả để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Chị A và anh Ch đã không còn chung sống với nhau, mâu thuẫn trầm trọng không giải quyết được. Chị A cương quyết ly hôn. Do đó, dù có duy trì hôn nhân của chị A và anh Ch về mặt pháp lý thì mục đích hôn nhân của anh, chị cũng không đạt được nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị A.

[3] Về con chung: Chị A xác định chị và anh Ch có 02 người con chung là Thái Mỹ K, sinh ngày 17/03/2015 và Thái Minh Kh, sinh ngày 05/6/2016, đang sống chung với chị A. Chị A yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con. Anh Ch không có ý kiến gửi Tòa án phản đối yêu cầu nuôi con của chị A. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ giao các con chung của chị A và anh Ch cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Chị A không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị A xác định chị và anh Ch không có tài sản chung. Anh Ch không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị A xác định chị và anh Ch không có nợ chung. Không ai yêu cầu về nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị A là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1 - Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị A về việc xin ly hôn anh Thái Văn Ch.

2 - Về con chung: Giao con chung của chị A và anh Ch tên Thái Mỹ K, sinh ngày 17/03/2015 và Thái Minh Kh, sinh ngày 05/6/2016 cho chị Lê Thị A trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Anh Thái Văn Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

3 - Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4 - Về nợ chung: Không ai yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

5 - Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị A phải chịu 300.000 đồng. Ngày 05/3/2025, chị Lê Thị A đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C (biên lai số 0010433) được đối trừ, chuyển thu nộp ngân sách Nhà nước.

6 - Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Thái Văn Ch có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp. Cà Mau;
- UBND xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Ngọc Hân